TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2021
V/v "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng

Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 ngày 9 tháng 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 ngày 10 tháng 2020 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 ngày 6 tháng 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Võ Minh T, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số 773 đường T, tổ 16 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Công P, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Wilmington NC 28412, Hoa Kỳ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Thân Võ Minh T trình bày**:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Công P tìm hiểu nhau vào năm 2018, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 08/6/2018, hôn nhân tự nguyện; hai bên đã có tổ chức lễ cưới tại nhà hàng và về sống chung tại địa chỉ 773 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 19/6/2018 thì ông Trần Công P quay về Mỹ để tiếp tục công việc. Lúc đầu, ông P

vẫn thường xuyên liên lạc và hứa sắp xếp công việc để về thăm bà nhưng đến năm 2019 bà không còn liên lạc được với ông P, vì khoảng cách địa lý xa cách nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Công P.

- Về con chung, tài sản chung: Bà T xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Công P không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà T, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thân Võ Minh T đối với ông Trần Công P; về quan hệ con chung, tài sản: Bà T xác định không có nên không giải quyết; án phí sơ thẩm, các chi phí khác, bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Thân Võ Minh T, địa chỉ cư trú tại 773 đường T, tổ 16 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Trần Công P, địa chỉ cư trú tại Wilmington NC 28412, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - bà Thân Võ Minh T và bị đơn - ông Trần Công P, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho ông Trần Công P bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Trần Công P gửi văn bản phản hồi cho Tòa án;

đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngày 27/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 2147/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu. Theo yêu cầu của bà Thân Võ Minh T, ngày 28/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có công văn số 721/CV-TA về việc đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc Gia VOV5 (đăng 03 ngày liên tiếp 04, 05 và 06 tháng 8 năm 2021) với nội dung: Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa bà Thân Võ Minh T đối với ông Trần Công P vào lúc 08 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Công P vẫn không có mặt, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Công P.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân Võ Minh T và ông Trần Công P kết hôn vào ngày 08/6/2018 tại UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (số đăng ký 51/2018). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, sau khi kết hôn ông Trần Công P trở về Hoa Kỳ, còn bà vẫn sinh sống tại Đà Nẵng, Việt Nam. Thời gian đầu, ông Trần Công P vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến bà nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu dần mất liên lạc, dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Công P.

Xét thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông Trần Công P chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà T được ly hôn với ông Trần Công P, là phù hợp.

[5] Về con chung, tài sản: Bà Thân Võ Minh T xác định không có; ông Trần Công P không có lời khai về nội dung này nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000 đồng.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp, dịch thuật và đăng thông báo, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Bà T không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 153, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thân Võ Minh T với ông Trần Công P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thân Võ Minh T được ly hôn với ông Trần Công P.

2. Về quan hệ con chung, tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thân Võ Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 002699 ngày 12/10/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà Thân Võ Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác thu thập chứng cứ và 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tống đạt, được trừ vào số tiền tạm ứng 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 002793 và số 002794 cùng ngày 04/01/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho bà Thân Võ Minh T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài theo biên lai thu số 002795 ngày 04/01/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, do bà T không phải chịu.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà T phải chịu 890.000đ (Tám trăm chín mươi ngàn đồng). Bà T đã nộp đủ theo Biên lai số 0010276 ngày 03/02/2021

và hóa đơn số 0041052 ngày 03/02/2021 của Phòng tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà T phải chịu 2.203.050đ (Hai triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, năm mươi đồng), tương đương 95 (chín mươi lăm) USD, bà T đã nộp đủ.

7. Về chi phí đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Ban đối ngoại (VOV5) là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) bà T phải chịu. Bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 31.7/2021/DV ngày 30/7/2021 của Đài tiếng nói Việt Nam - Ban đối ngoại (VOV5).

8. Về quyền kháng cáo: Bà Thân Võ Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án; ông Trần Công P không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UNND q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn